| PHÒNG GDĐT THỊ XÃ BUÔN HỒ  **TRƯỜNG TH NGUYỄN TRÃI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: ...../ KH - NT | *An Lạc, ngày 06 tháng 9 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH HỌC KỲ I**

**NĂM HỌC 2021-2022**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Kế hoạch Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Quyết định ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2021 - 2022 đối với giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

Căn cứ công văn số 12/PGDĐT-GDTH, của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ về việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với cấp tiểu học trên địa bàn thị xã Buôn Hồ, giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ công văn số 286/PGDĐT ngày 03 tháng 9 năm 2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ về việc tổ chức khai giảng và thực hiện kế hoạch năm học 2021 – 2022;

Căn cứ vào kết quả đạt được năm học 2020-2021; căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường và địa phương.

Trường tiểu học Nguyễn Trãi xây dựng kế hoạch học kì 1, năm học 2021 - 2022 như sau:

**II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỌC KÌ 1, NĂM HỌC 2021- 2022**

1. **Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.**

Phường An Lạc được thành lập theo Nghị định 07/NĐ-CP, ngày 23/12/2008 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Krông Búk để thành lập thị xã Buôn Hồ và thành lập các phường, xã trực thuộc thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Trường TH Nguyễn Trãi nằm phía Đông Bắc thị xã Buôn Hồ, cách trung tâm thị xã khoảng 2 km. nằm ngay trên trục đường Trần Hưng Đạo. Có thế lực giáp ranh với xã Tân Lập, huyện Krông Buk, theo dọc tuyến đi Krông Năng xã Ea Hồ. Con em tại trung tâm phường đều là con cán bộ, công nhân cà phê Buôn Hồ và con em của xã Tân Lập, Krông Buk, Krông Năng…

- Phụ huynh đã quan tâm chăm lo đến việc học của con em và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho con em được học tập.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

Năm học 2021 – 2022, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, các giải pháp dãn cách được áp dụng nghiêm túc, triệt để đã làm ảnh hưởng rất lớn mọi lĩnh vực trong xã hội.

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường học kì 1, năm học 2021- 2022**

**2.1. Đặc điểm học sinh của trường**

- Năm học 2021 - 2022 trường có 15 lớp với 467 học sinh, trong đó có 56 học sinh dân tộc thiểu số.

- Chất lượng giáo dục đảm bảo ổn định và được nâng cao: học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,8%; 100% học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học; học sinh được đánh giá về năng lực và phẩm chất đạt 100%; trong đó học sinh được khen thưởng hàng năm đạt từ 68 % trở lên.

- Tổ chức lớp học đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Số học sinh/lớp không quá 35 em, đảm bảo cho việc giáo viên tổ chức các hình thức dạy học linh hoạt và đảm bảo cho việc giáo viên có thể dạy đến từng học sinh.

- 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Các em học sinh ngoan, tích cực học tập và rèn luyện, hăng say các hoạt động tập thể.

- Tổ chức thực hiện dạy học 9 buổi/tuần cho 100% học sinh toàn trường. Bên cạnh các môn tự chọn tổ chức dạy tăng cường các môn học Toán, Tiếng Việt, hoạt động trải nghiệm, giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.

- Tổ chức triển khai các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường, lồng ghép thực hiện nội dung giáo dục địa phương. Các tiết trải nghiệm hàng tuần như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt tập thể lớp, dạy trong tài liệu học ở khối lớp 1, 2, các khối còn lại dạy tiết HĐNGLL.

- Tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục tăng cường, mở rộng theo hướng phân hóa; đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: dạy học trên lớp, dạy học theo chủ đề, chuyên đề, dạy học trải nghiệm….

- Các nội dung dạy Tâm lí học đường của khối 3, khối 4, khối 5 lồng ghép vào tiết trải nghiệm thứ 3 (tiết Sinh hoạt lớp).

- Các buổi chiều thứ 6 hàng tuần dành để sinh hoạt chuyên môn tổ khối, chuyên môn toàn trường, phụ đạo cho học sinh chưa hoàn thành hoặc bồi dưỡng học sinh năng khiếu, tổ chức Câu lạc bộ, sân chơi khác cho học sinh…

**2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lí**

- Cán bộ quản lý của trường gồm 2 đồng chí. 1đ/c có trình độ đào tạo Đại học, 2 đ/c trình độ chính trị: trung cấp lí luận chính trị. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực, linh hoạt có trách nhiệm trong công việc chung. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng.

- Tỉ lệ GV/lớp là 1.53 đảm bảo dạy 2 buổi/ ngày theo Chương trình GDPT 2018;

Đội ngũ giáo viên có 11 giáo viên đạt trình độ Đại học, 12 trình độ cao đẳng. Nhìn chung đội ngũ giáo viên nhiệt tình,yêu nghề, mến trẻ; có 22 giáo viên dạy giỏi cấp trường, 06 giáo viên dạy giỏi cấp thị xã năm học 2020-2021; có 01 giáo viên cốt cán thực hiện giaó dục phổ thông mới.

- Trường có các giáo viên được đào tạo chính quy về Âm nhạc, Mỹ thuật,Tiếng Anh, tin học nên thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học này một cách chủ động và hiệu quả.

100% giáo viên trong nhà trường đã được tập huấn PPDH và KTDH online, 95 % giáo viên có kỹ năng soạn giảng, tổ chức dạy học online để ứng phó với dạy học trong điều kiện dịch bệnh Covid-19.

Căn cứ công văn số 286/PGDĐT ngày 03 tháng 9 năm 2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ về việc tổ chức khai giảng và thực hiện kế hoạch năm học 2021 – 2022, nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên về phương pháp dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình, sử dụng phần mềm hổ trợ dạy học, khai thác, chia sẻ dữ liệu dùng chung trong dạy học…; phối hợp với phụ huynh học sinh trong quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh học trực tuyến.

Nhà trường đã xây dựng phương án tổ chức dạy học trực tuyến, học qua truyền hình, giao bài trực tuyến; chuẩn bị mọi điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để tiến hành dạy và học tuần 1 bắt đầu 15/9/2021 theo văn bản hướng dẫn của ngành.

**2.3 Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Nhà trường có đủ phòng học 15 phòng/15 lớp; đầy đủ trang thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu hiện tại.

- Trường có hệ thống các phòng chức năng như phòng dạy học Ngoại ngữ, dạy học Tin học, Phòng Tin học có 12 máy tính đảm bảo cho 2 học sinh/máy, hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy. 60 % cán bộ, giáo viên, nhân viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và công việc.

- Nhà trường đã quản lý và sử dụng hợp lý nguồn ngân sách chi thường xuyên trên cấp và thực hiện nghiêm túc các khoản đóng góp từ nhân dân.

- Huy động kinh phí tự chủ để bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục tiểu học.

- Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các điều kiện

**III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC HỌC KÌ 1, NĂM HỌC 2021- 2022**

**1. Mục tiêu chung**

Xây dựng một ngôi trường hạnh phúc đem lại nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Đảm bảo việc giáo dục học sinh theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất. Tăng cường thực hành và vận dụng kiến thực học được vào thực tiễn; thực hiện phương châm đưa cuộc sống vào bài học, mang bài học vào cuộc sống.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

2.1. Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp;

\* Chỉ tiêu về Phẩm chất Khối 1, 2

| **Lớp** | **TS** | **Yêu nước** | | | **Nhân ái** | | | **Chăm chỉ** | | | **Trung thực** | | | **Trách nhiệm** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tốt** | **Đạt** | **CCG** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** |
| Khối 1 | 103 | 50 | 53 | 0 | 50 | 53 | 0 | 50 | 53 | 3 | 50 | 53 | 0 | 50 | 53 | 0 |
| Khối 2 | 82 | 40 | 42 | 0 | 40 | 42 | 0 | 40 | 42 | 2 | 40 | 42 | 0 | 40 | 42 | 0 |
| **Tổng** | **185** | **90** | **99** | **0** | **90** | **99** | **0** | **90** | **94** | **5** | **90** | **99** | **0** | **90** | **99** | **0** |

\* Chỉ tiêu về Phẩm chất Khối 3,4,5

| **Lớp** | **TS** | **Chăm học, chăm làm** | | | **Tự tin, trách nhiệm** | | | **Trung thực, kỉ luật** | | | **Đoàn kết, yêu thương** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tốt** | **Đạt** | **CCG** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** |
| Khối 3 | 96 | 40 | 48 | 3 | 45 | 48 | 3 | 48 | 48 | 0 | 48 | 48 | 0 |
| Khối 4 | 98 | 48 | 45 | 3 | 47 | 51 | 0 | 47 | 51 | 0 | 47 | 51 | 0 |
| Khối 5 | 88 | 40 | 45 | 3 | 40 | 48 | 0 | 40 | 48 | 0 | 40 | 48 | 0 |
| **Tổng** | **282** | **228** | **138** | **09** | **132** | **147** | **03** | **135** | **147** | **0** | **135** | **147** | **0** |

\* Chỉ tiêu về Năng lực Khối 1, khối 2

| **Lớp** | **TS** | **Tự chủ - Tự học** | | | **Giao tiếp - Hợp tác** | | | **Giải quyết vấn đề và sáng tạo** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tốt** | **Đạt** | **CCG** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** | **Tốt** | **Đạt** | **CCG** |
| Khối 1 | 103 | 48 | 50 | 5 | 48 | 50 | 5 | 48 | 50 | 5 |
| Khối 2 | 82 | 40 | 40 | 2 | 40 | 40 | 2 | 40 | 40 | 2 |
| **Tổng cộng** | **185** | **88** | **90** | **7** | **88** | **90** | **7** | **88** | **90** | **7** |

\* Chỉ tiêu về Năng lực Khối 3,4,5

| **Lớp** | | | **TS** | **Tự phục vụ, tự quản** | | | | | **Hợp tác** | | | | **Tự học và giải quyết vấn đề** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tốt** | | **Đạt** | **CCG** | | **Tốt** | **Đạt** | | **CCG** | **Tốt** | | **Đạt** | **CCG** |
| Khối 3 | | | 96 | 40 | | 45 | 1 | | 40 | 45 | | 1 | 40 | | 45 | 1 |
| Khối 4 | | | 98 | 40 | | 47 | 1 | | 40 | 47 | | 1 | 40 | | 47 | 1 |
| Khối 5 | | | 88 | 40 | | 48 |  | | 40 | 40 | | 0 | 40 | | 48 | 0 |
| **Tổng** | | | **282** | **120** | | **140** | **2** | | **120** | **140** | | **2** | **120** | | **140** | **2** |
|  | 2.2. Số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học. | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | **STT** | **Môn học** | | | **HTT** | | | **Hoàn thành** | | | **CHT** | | | **Tổng số** | | | |
|  | 1 | Toán | | | 170 | | | 290 | | | 2 | | | 462 | | | |
|  | 2 | Tiếng Việt | | | 170 | | | 287 | | | 5 | | | 462 | | | |
|  | 3 | Đạo đức | | | 172 | | | 290 | | | 0 | | | 462 | | | |
|  | 4 | Tự nhiên và xã hội | | | 40 | | | 46 | | | 0 | | | **96** | | | |
|  | 5 | Khoa học | | | 91 | | | 92 | | | 0 | | | 183 | | | |
|  | 6 | Lịch sử và Địa lý | | | 91 | | | 92 | | | 0 | | | 183 | | | |
|  | 7 | Âm nhạc | | | 170 | | | 292 | | | 0 | | | 462 | | | |
|  | 8 | Mĩ thuật | | | 170 | | | 292 | | | 0 | | | 462 | | | |
|  | 9 | Thủ công/ kỹ thuật | | | 170 | | | 292 | | | 0 | | | 462 | | | |
|  | 10 | Thể dục | | | 170 | | | 292 | | | 0 | | | 462 | | | |
|  | 11 | Ngoại ngữ | | | 129 | | | 150 | | | 0 | | | 279 | | | |
|  | 12 | Tin học | | | 150 | | | 129 | | | 0 | | | 279 | | | |
|  | 13 | Hoạt động trải nghiệm | | | 170 | | | 292 | | | 0 | | | 462 | | | |

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 462 em, đạt tỷ lệ: 98,9%.

- Học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học: 5 tỷ lệ 1,1 %

- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học: 86/86 em, đạt tỷ lệ: 100%.

**IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG HỌC KÌ 1, NĂM HỌC**

1. **Phân phối, thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**  *(Phụ lục 1.1)*

| **TT** | **Hoạt động giáo dục** | **số tiết lớp 1** | | | **Số tiết lớp 2** | | | **Số tiết lớp 3** | | | **Số tiết lớp 4** | | | **Số tiết lớp 5** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK1** | | **HK2** |
| **1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | 216 | 204 | 350 | 180 | 170 | 245 | 126 | 119 | 245 | 126 | 119 | 245 | 126 | | 119 |
| 2 | Toán | 105 | 54 | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | | 85 |
| 3 | Ngoại ngữ 1 |  |  |  |  |  |  | 140 | 72 | 68 | 140 | 72 | 68 | 140 | 72 | | 68 |
| 4 | GDCD/ Đạo đức | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | | 17 |
| 5 | Tự nhiên và xã hội | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  | |  |
| 6 | Lịch sử và địa lý |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | | 34 |
| 7 | Khoa học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | | 34 |
| 8 | Tin học và công nghệ |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | | 34 |
| 9 | Giáo dục thể chất | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | | 34 |
| 10 | Nghệ thuật | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 11 | Mỹ thuật |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | | 17 |
| 12 | Âm nhạc |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | | 17 |
| 13 | Hoạt động trải nghiệm | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | | 51 |
| **2. Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2. Môn học tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Ngoại ngữ 1 (lớp 1, 2) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| **3. Hoạt động củng cố, tăng cường** *(Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 cùa mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TC Toán theo tiết định biên | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 70 | 36 | 35 |  |  |  |  |  |  | |
| 2 | TC Toán theo nhu cầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 3 | TC TV theo tiết định biên | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |  |  |  |  |  |  | |
| 4 | TC TV theo nhu cầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 5 | Tiết đọc thư viện | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | |
| 6 | KNS + ATGT + TLHĐ |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | |
| **TỒNG** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học *(Phụ lục 1.2)*

| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **Thời gian thực hiện** | **Người thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng 9 | Truyền thống nhà trường | - Tìm hiểu về truyền thống nhà trường  - Tìm hiểu về Tết tình thân  - Ngoại khóa về múa lân, xếp mâm ngũ quả, phá cỗ | - Sinh hoạt lớp  - Sinh hoạt dưới cờ  - Ngoại khóa | Tuần 1  Tuần 2  Tuần 3  Tuần 4 | Tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm | Giáo viên bộ môn, nhân viên, cha mẹ học sinh |
| Tháng 10 | Mẹ và cô giáo | - Thi sưu tầm, kể những câu chuyện, biểu diễn bài hát về bà, mẹ và cô giáo  - Phong trào nói lời hay ý đẹp  - Rèn kỹ năng sống: Tự chăm sóc bản thân | - Sinh hoạt lớp  - Sinh hoạt dưới cờ  - Ngoại khóa | Tuần 1  Tuần 2  Tuần 3  Tuần 4 | Tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm | Giáo viên bộ môn, nhân viên, cha mẹ học sinh |
| Tháng 11 | Biết ơn thầy cô giáo | - Hát về thầy cô  - Trang trí lớp học  - Thi viết chữ đẹp  - Thi văn nghệ thể hiện sự biết ơn thầy cô | - Sinh hoạt lớp  - Sinh hoạt dưới cờ  - Ngoại khóa  - Hội thi | Tuần 1  Tuần 2  Tuần 3  Tuần 4 | Tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm | Giáo viên bộ môn, nhân viên, cha mẹ học sinh |
| Tháng 12 | Uống nước nhớ nguồn | - Hát về chú bộ đội  -Mời cựu chiến binh về kể chuyện, ôn truyền thống ngày thành lập QĐNDVN 22.12 | - Sinh hoạt lớp  - Sinh hoạt dưới cờ  - Ngoại khóa | Tuần 1  Tuần 2  Tuần 3  Tuần 4 | Tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm | Giáo viên bộ môn, nhân viên, cha mẹ học sinh |

**3. Khung thời gian thực hiện chương trình học kì 1, năm học 2020 - 2021 và kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục*:***

Kế hoạch Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Quyết định ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2021 - 2022 đối với giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

- Ngày tựu trường: ngày 01 tháng 9 năm 2021. Riêng đối với học sinh lớp 1, tựu trường ngày 23 thánh 8 năm 2021

- Ngày khai giảng: ngày 05 tháng 9 năm 2021.

- Học kỳ I: Bắt đầu ngày 06 tháng 9 năm 2021, kết thúc ngày 08 tháng 01 năm 2022 (18 tuần).

Trong quá trình thực hiện kế hoạch kế hoạch học kì 1, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý; bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học.

Căn cứ vào Điều 14, Chương II, Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 về Ban hành Điều lệ trường tiểu học.

Căn cứ vào các ngày nghỉ lễ theo quy định, thời gian khung kế hoạch năm học của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Trường tiểu học Nguyễn Trãi xây dựng thời gian thực hiện chương trình năm học 2021-2022 cụ thể như sau:

**3.1. Đối với khối lớp 1**

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

3.2. Đối với khối lớp 2.

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(Phụ lục 1.4)*

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục *(Phụ lục 2)*

3.3. Đối với khối lớp 3.

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(Phụ lục 1.4)*

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục *(Phụ lục 2)*

3.4. Đối với khối lớp 4.

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(Phụ lục 1.4)*

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục *(Phụ lục 2)*

3.5. Đối với khối lớp 2.

a. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/ tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(Phụ lục 1.4)*

b. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục *(Phụ lục 2)*

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**6.1. Phân công nhiệm vụ**

***6.1.1. Đối với Hiệu trưởng***

- Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo trực tiếp khối 1,2 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá.Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

***6.1.2. Đối với Phó Hiệu trưởng***

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 9 buổi/tuần. Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo tổng phụ trách đội cùng các tổ khối trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm; kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học lớp 1; đổi mới phương pháp dạy học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

***6.1.3 Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn***

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn trên cơ sở kế hoạch giáo dục và thời khóa biểu của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

- Thực hiện công tác KT ĐG các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.

- Tổng hợp báo các chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

- Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động TN và các hoạt động khác.

***6.1.4 Đối với giáo viên***

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc mội quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD của cá nhân được phân công trong năm học.

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tố chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

***6.1.5. Đối với Tổng phụ trách Đội***

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự kiến kinh phí thực hiện và thành phần tham gia cùng học sinh; lộ trình và thời gian ( bắt đầu- kết thúc).

- Thành lập các ban của liên đội để thức đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

***6.1.6. Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị***

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách.(về thời điểm? về cách tổ chức? Thành phần cần phối hợp để tổ chức?...) để đảm hiệu quả hoạt động.

**6.2. Công tác kiểm tra, giám sát**

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, thực hiện xuyên suốt trong cả năm học; đánh giá xếp loại vào cuối tháng 4 năm 2021.

- Kiểm tra sư phạm nhà giáo kết hợp với đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Kiểm tra chuyên đề: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

- Kiểm tra các HĐGD ngoài giờ lên lớp: Theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

**6.3. Chế độ báo cáo**

- Hàng tháng, chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới;

- Sơ kết từng học kỳ;

- Báo các theo yêu cầu của ngành.

Trên đây là Kế hoạch học kì 1 của Trường Tiểu học Nguyễn Trãi năm học 2021- 2022. Kế hoạch được thông qua tại Hội nghị CC,VC và NLĐ đầu năm học. Yêu cầu tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận: HIỆU TRƯỞNG**

- Phòng GDĐT TX Buôn Hồ (để BC)

- Ban đại diện CMHS (phối hợp);  
- Công đoàn trường;  
- Tổ trưởng chuyên môn; GV (T/h) Hoàng Văn Hùng- Lưu: hồ sơ, VT./.